

GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TRIỀU TÂY SƠN

NGUYỄN THÚY NGÀ (*)

I. Chiếu lập học và chính sách giáo dục triều Tây Sơn

Ngay sau khi lên ngôi hoàng đế năm 1888, Quang Trung Nguyễn Huệ đã ban bố một số chiếu chỉ quan trọng, mở đầu sự nghiệp chính trị, bảo vệ và xây dựng nhưng quá ngắn ngủi của mình, trong đó có *Chiếu lập học*.

Chiếu lập học do Tiến sĩ Ngô Thì Nhậm⁽¹⁾ soạn thảo, nội dung nói về xây dựng việc học mà vua Quang Trung dự định sẽ thực hiện trong công cuộc đổi mới đất nước. Nguyên văn bản dịch bài chiếu đã được đăng trong *Tạp chí Hán Nôm*⁽²⁾.

Ngoài những lý do cần thiết mà người đứng đầu nhà nước phong kiến nào cũng coi trọng là “lập giáo hóa, đặt khoa cử kén chọn người tài giúp nước”, bài chiếu còn chứa đựng nhiều nội dung quan trọng và hết sức cụ thể phản ánh chính sách giáo dục của triều Tây Sơn như sau:

1. Đặt trường học đến tận cấp xã
2. Chọn những Nho sĩ có học hạnh đặt làm chức Giảng dụ cấp xã để dạy học trò.
3. Từ vũ của phủ đặt làm trường giảng tập của phủ, do quan Huấn đạo phụ trách

4. Hẹn trong năm nay⁽³⁾ sẽ mở khoa thi Hương.

5. Chọn Tú tài hạng ưu sung vào trường quốc học, hạng thứ cho về học trường phủ.

6. Các Nho sinh và Sinh đồ (triều Lê cũ) đều được dự thi, hạng ưu được vào tuyển, hạng thứ cho về trường học của xã

7. Các Sinh đồ 3 quan trả về hạng thường dân và phải chịu sai dịch.

8. Các chức Giảng dụ của xã phải nộp danh sách lên huyện, huyện nộp lên triều đình, triều đình sẽ cấp bằng sắc.

Trước đó, ở làng xã, các trường học phần nhiều là trường tư, nhà nước chỉ đặt các trường học từ cấp huyện trở lên với các chức Giáo thụ, Huấn đạo, Đốc học. Những người học ở trường tư, khi đã thông kinh sách mới được khảo hạch để lên học trường huyện, rồi lần lượt lên học trường phủ. Đời Quang Trung, việc mở trường học công và đặt thầy dạy cấp xã là một chủ trương đặc biệt tiến bộ, nhằm mở rộng việc học đến mọi làng xã. Chủ trương tiến bộ đó hẳn đương thời đã được thực hiện nên nhiều

(*) TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

xã đã lập trường học và thầy dạy được gọi là Xã giáo. Đến đời vua Quang Toàn, việc này vẫn được tiếp tục. Bằng chứng là trên quả chuông khắc năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799) hiện đặt tại chùa Hà quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội có ghi người soạn là Nguyễn Khuê, chức Xã giáo. Trong nội dung bài minh, tác giả cũng có nói việc lập chức Xã giáo ở địa phương⁽⁴⁾.

Vua Quang Trung cho rằng muốn “hung khởi chính học” thì phải lấy đạo Nho làm gốc, việc giáo dục phải “nhất định theo phép học Chư tử”, từ đó “khiến cho nhân tài có thể thành tựu, phong tục trở lại tốt đẹp”⁽⁵⁾. Chủ trương này phù hợp với nội dung bản tấu *Học pháp*⁽⁶⁾ mà La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp tâu trình: “Phép dạy, nhất định theo Chư tử. Trước học *Tiểu học* để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên, rồi đến *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Chư tử*”⁽⁷⁾. Chính vì thế mà vua Quang Trung đã xuống chiếu mời Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng Viện Sùng Chính. Nội dung bài chiếu có đoạn: "...Nay trong nước đã yên, trẫm toan hưng khởi chính học. Ông đã lấy học thuật hiện rõ bên tà, bên chính trong phép học, trẫm rất vui lòng. Trẫm định đặt Sùng Chính thư viện tại núi Nam Hoa, ban cho ông chức Sùng Chính viện Viện trưởng, chuyên coi việc dạy học. Nhất định theo phép học Chư tử khiến cho nhân tài có thể thành tựu, phong tục trở lại tốt đẹp..."⁽⁸⁾. Nhiệm vụ chính của Viện Sùng Chính là “chuyên coi việc dạy học”. Trong thời gian làm Viện trưởng, Nguyễn Thiếp đã đề xuất nhiều vấn đề cải cách giáo dục và thi cử. Mong muốn phổ cập việc học phổ thông

của ông trùng với chủ trương đặt trường học đến tận cấp xã của vua Quang Trung.

Vua Quang Trung còn chủ trương dùng chữ Nôm trong tất cả các văn kiện hành chính của nhà nước và trong trường học. Các bài hịch, chiếu chỉ, phải soạn bằng chữ Nôm, đề thi viết bằng chữ Nôm và các sĩ tử phải làm bài bằng chữ Nôm⁽⁹⁾. Chính vì vậy mà Viện Sùng Chính còn có nhiệm vụ quan trọng khác là dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dùng dạy học và phổ biến trong dân theo chủ trương của vua Quang Trung. Chỉ trong hai năm, Viện trưởng Nguyễn Thiếp đã cho dịch xong các sách *Tiểu học*, *Tứ thư*, *Kinh Thi*, hiện còn giữ được hai công trình lớn của viện là *Thi kinh giải âm* và *Ngũ kinh toát yếu diễn nghĩa*.

Tư liệu dù ít ỏi cũng đủ cho biết việc dạy và học đời Quang Trung vẫn theo Nho giáo chính thống. Có lẽ vì vậy mà vị vua anh minh đã thu hút được các Nho sĩ tiến bộ thời bấy giờ ra giúp triều đình.

II. Thi cử

a. Đời vua Quang Trung

Tài liệu chữ Hán viết về thời kỳ lịch sử này nói chung cũng như khoa cử nói riêng hiện không còn nhiều. Qua nhiều năm tìm tòi, chúng tôi chỉ mới biết còn một vài tài liệu ghi vắn tắt việc vua Quang Trung cho mở khoa thi. Dù vậy những thông tin đó cũng không khớp nhau.

Sách *Cổ kim khoa thí thông khảo*⁽¹⁰⁾ ghi “Đời Tây Sơn lập trường thi ở xứ Thanh - Nghệ”. Phan Huy Thực ghi chỉ mở một khoa thi Hương năm 1789⁽¹¹⁾. Nguyễn Trọng Thuật ghi mấy lần mở khoa thi ở Thanh - Nghệ⁽¹²⁾. Một số nhà nghiên cứu gần đây như Trần Văn Giáp

ghi: “Khi Tây Sơn đuổi chúa Trịnh cũng có mấy lần mở khoa thi ở Thanh - Nghệ”⁽¹³⁾; Nguyễn Thị Chân Quỳnh ghi mở 1 khoa Tuấn sĩ năm 1789 ở Nghệ An⁽¹⁴⁾; còn tác giả Đinh Văn Niêm ghi cụ thể: “Mùa thu tháng 8, Quang Trung năm thứ 2 (1789) vừa lên ngôi chính vị... nhà vua đã mở khoa thi Hương cho học trò xứ Nghệ”⁽¹⁵⁾.

Căn cứ vào tài liệu Hán Nôm duy nhất hiện còn là sách *Từ Liêm huyện đăng khoa chi*⁽¹⁶⁾ ghi được họ tên của 3 người đỗ Hương cống và 1 người đỗ Sinh đồ khoa Kỷ Dậu, chúng ta mới chỉ biết chắc chắn vua Quang Trung đúng hẹn nói trong *Chiếu lập học* đã tổ chức khoa thi Hương đầu tiên vào năm 1789. Sau đó vài năm, mùa thu năm 1892 vua Quang Trung mất, có lẽ ông chưa kịp tổ chức thêm một khoa thi nào. Như vậy khoa Kỷ Dậu là khoa thi duy nhất đời Quang Trung, còn nói “mấy lần mở khoa thi” chỉ là cách nói ước lệ mà thôi.

Khoa thi này có những đặc điểm sau: người đỗ gọi là Tuấn sĩ⁽¹⁷⁾, tên khoa thi cũng được các nhà nghiên cứu gọi là Tuấn sĩ và được tổ chức ở vùng Thanh - Nghệ, học trò Bắc Hà cùng tham dự⁽¹⁸⁾, do Viện trưởng Viện Sùng Chính Nguyễn Thiếp làm Đề điệu⁽¹⁹⁾. Về phép thi thì tài liệu chữ Hán cũng như các nhà nghiên cứu đều ghi chỉ có hai kỳ, kỳ đệ nhất: chế nghĩa, kỳ đệ nhị: văn sách.

Như vậy khoa thi Hương duy nhất thời Tây Sơn còn khá đơn giản, chỉ tương đương với kỳ đệ nhất và kỳ đệ tứ của các đời⁽²⁰⁾. Và điều đặc biệt của khoa thi này là học trò phải làm bài bằng chữ Nôm thay vì chữ Hán như thông lệ. Đó là khoa thi thuần chữ Nôm đầu tiên

và duy nhất ở nước ta, song đề mục vẫn bằng chữ Hán⁽²¹⁾.

b/ Đời vua Quang Toàn

Vua Quang Trung qua đời với bao dự định tiến bộ xây dựng đất nước còn rất dở dang, vua Quang Toàn nối ngôi, đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh. Lúc này nhà Tây Sơn đã suy yếu, nhưng Quang Toàn vẫn cố gắng duy trì đường lối của cha mình. Việc học và thi vẫn được chú ý.

Hiện chỉ còn 2 tài liệu để có thể tìm hiểu về giáo dục và thi cử đời Cảnh Thịnh.

Thanh Trì Hoàng Mai Đỗ thị gia phả⁽²²⁾: ghi về một người tên là Đỗ Trí Cự đỗ kỳ thi Điện khoa Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800). Hơn nữa, sách còn ghi được đề mục của kỳ thi này như sau: 以民天詩 (民字韻) và 晉陽長城賦 (八韻體)⁽²³⁾.

[*Hành Thiện*] *bản áp đăng khoa chi*⁽²⁴⁾: cách nay mấy chục năm, khi biên soạn bộ *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*⁽²⁵⁾, học giả Trần Văn Giáp đã từng rất chú ý đến sách này, coi những ghi chép về 2 khoa khảo khóa đời Cảnh Thịnh: Canh Thân (1800) và Tân Dậu (1801) là tài liệu quý mà các sách khác không chép tới.

Ở khoa Canh Thân, trước khi ghi họ tên một người đỗ, có đoạn văn ngắn ghi rất kỹ về thi cử đời Cảnh Thịnh. Chúng tôi xin dịch nguyên văn: “Xét: triều Tây Sơn, việc binh tan hoang, chưa kịp đặt khoa thi⁽²⁶⁾. [Đời Cảnh Thịnh] định phép khảo khóa: Sĩ nhân nộp quyền tại Bắc Thành; tháng 2 vào trường nhất, dùng kinh nghĩa 5 đề, truyện nghĩa 1 đề; tháng 5 vào trường nhì, dùng văn tứ lục chiếu chế biểu mỗi loại 1 đạo; tháng 8 vào trường 3, dùng 1 đạo thơ đường luật thể

thất ngôn, 1 đạo phú bát vận, tháng 11 vào trường 4, dùng sách văn 5 - 6 đoạn; tháng 12 phúc hạch xuất bản.

Người đỗ Thượng khóa cho miễn thuế thân suốt đời, thứ vị xếp sau Hương cống trước Sinh đồ sảo thông đời Lê; đỗ Hạ khóa được miễn sưu thuế 3 năm, thứ vị xếp sau Sinh đồ sảo thông trước Sinh đồ thứ thông”.

Nội dung ngắn gọn nhưng hết sức súc tích cho chúng ta biết những thông tin quý giá sau:

- Tên khoa thi: gọi là khảo khóa.
- Thời gian thi: tháng 2 vào trường nhất, tháng 5 vào trường nhì, tháng 8 vào trường 3, tháng 11 vào trường 4.
- Phép thi: 4 trường.
- Nội dung thi: trường nhất: kinh nghĩa 5 đề, truyện nghĩa 1 đề; trường nhì: văn tứ lục chiếu chế biểu mỗi loại 1 đạo; trường 3: 1 đạo thơ đường luật thể thất ngôn, 1 đạo phú bát vận; trường 4: dùng sách văn 5 - 6 đoạn.
- Thời gian ra bảng: tháng 12
- Học vị: Khóa sinh. Gồm 2 hạng, Thượng khóa: thứ hạng xếp sau Hương cống, trước Sinh đồ sảo thông thời Lê; Hạ khóa: xếp sau Sinh đồ sảo thông, trước Sinh đồ thứ thông.
- Quyền lợi: người đỗ hạng Thượng khóa: miễn thuế thân suốt đời; hạng Hạ khóa: miễn sưu thuế 3 năm.

Qua tài liệu này, có thể thấy trong đời Quang Toàn, việc dạy và học rất quy củ. Cứ 3 tháng cố định tổ chức một kỳ khảo khóa, một năm có 4 kỳ, cộng chung 4 kỳ mới khảo hạch xuất bản. Việc tổ chức các kỳ cách nhau đều đặn 3 tháng khiến học sinh học hành được đều đặn, kiến thức nâng cao dần mà người học

thấy thoải mái. Người đỗ khảo khóa cũng được gọi là Khóa sinh, nhưng chia làm 2 hạng: Thượng khóa dành cho người đỗ hạng ưu và Hạ khóa dành cho người đỗ hạng thấp.

Khảo khóa đời Cảnh Thịnh có hai đặc điểm:

- Không phải kỳ khảo khóa thông thường. Ở thời Lê và thời Nguyễn, mỗi năm hai kỳ, quan Đốc học hội đồng các quan Huân đạo và Giáo thụ để xét thi học trò trong tỉnh, gọi là khảo khóa, người nào đỗ 3 trường gọi là Khóa sinh, tùy điểm đỗ cao hay thấp mà được miễn trừ sưu dịch trong 1 năm.

- Không phải thi Hương, vì người đỗ chỉ được gọi là Khóa sinh, tùy hạng đỗ mà gọi là Thượng khóa hay Hạ khóa. Thượng khóa: thấp hơn Hương cống nhưng cao hơn Sinh đồ sảo thông; Hạ khóa: thấp hơn Sinh đồ sảo thông nhưng cao hơn Sinh đồ thứ thông.

Có lẽ vì khảo khóa cũng có 4 kỳ, nội dung thi từng kỳ cũng gần giống như thi Hương nên học giả Trần Văn Giáp cho rằng: “Về danh nghĩa tuy gọi là khảo khóa hàng năm, nhưng nội dung chương trình học và các bài thi không khác gì thi Hương cống triều Lê và thi Cử nhân, Tú tài triều Nguyễn. Vậy khảo khóa đây tức là kỳ thi Hương mà thực tế và kỹ hơn”⁽²⁷⁾.

III. Người đỗ

Từ nguồn tư liệu hiếm hoi nói trên, chúng tôi mới tìm được 25 người đỗ trong các kỳ thi của vương triều Tây Sơn. Trong đó đời Quang Trung có 1 người đỗ Thủ khoa, 3 người đỗ Hương cống, 1 người đỗ Sinh đồ⁽²⁸⁾; đời Cảnh Thịnh có 1 người đỗ thi Điện và 19 người đỗ Hạ khóa sinh.

Nhận thấy đây là những tư liệu rất quý để tìm hiểu về khoa cử triều Tây Sơn, chúng tôi xin cung cấp toàn bộ danh sách người đỗ mà chúng tôi sưu tập được.

a/ Đồi Quang Trung:

1. Nguyễn Bắc 阮搏

Người xã Vân Canh tổng Hương Canh, nay là thôn Vân Canh (tên Nôm là Canh) xã Vân Canh huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội.

Đỗ Hương cống khoa Kỷ Dậu năm Quang Trung thứ 2 (1789). Làm quan đến chức Tri huyện huyện Mỹ Lương, Hình khoa Cấp sự trung.

2. Nguyễn Bùi 阮裴

Người xã La Nội tổng La Nội, nay là thôn La Nội (tên Nôm là La Cả) phường Dương Nội quận Hà Đông thành phố Hà Nội.

Đỗ Hương cống khoa Kỷ Dậu năm Quang Trung thứ 2 (1789).

3. Nguyễn Hữu Quyền 阮有權

Người xã La Khê tổng La Nội, nay là thôn La Khê phường La Khê quận Hà Đông Thành phố Hà Nội.

Đỗ Hương cống khoa Kỷ Dậu năm Quang Trung thứ 2 (1789). Làm quan đến chức Tri huyện.

4. Trần Giám 陳鑑

Người xã Vân Canh, nay là thôn Vân Canh (tên Nôm là Canh) xã Vân Canh huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội

Thi đỗ Sinh đồ khoa Quý Mão niên hiệu Cảnh Hưng (1783), lại đỗ khoa Kỷ Dậu đời Tây Sơn (1789). Làm quan đến chức Tri huyện huyện Sơn Minh. Lại thi đỗ khoa Đinh Mão năm Gia Long thứ 6 (1807)⁽²⁹⁾.

5. Phan Đăng Đệ 潘登第 (còn có tên là Khanh 卿)

Người xã Trà Lũ huyện Giao Thủy phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định, nay thuộc huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Đỗ thủ khoa trong niên hiệu Quang Trung (1788 - 1792)⁽³⁰⁾. Làm quan đến chức Tri huyện huyện Thiên Phú (nay là huyện Phú Xuyên)⁽³¹⁾.

b/ Đồi Cảnh Thịnh:

6. Đỗ Trí Cự 杜致巨 (1744 - 1826)

Người xã Hoàng Mai tổng Thanh Trì huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Bạch Mai quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

Từ nhỏ thông minh, cần mẫn việc học. 31 tuổi đỗ Sinh đồ sảo thông khoa Giáp Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 35 (1774), 34 tuổi đỗ Tứ trường khoa Đinh Dậu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 38 (1777) đời Lê Hiển Tông. 44 tuổi thi Hội đỗ Tam trường đời Lê Chiêu Thống (1787 - 1788). 57 tuổi thi Điện trúng cách khoa Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800) đời vua Nguyễn Quang Toản. Làm quan đến chức Huyện doãn huyện Yên Thế. Sau 2 năm lui về quê dạy học, học trò theo học rất đông. Mất năm Bính Tuất Minh Mệnh thứ 7 (1826), thọ 73 tuổi.

Hiệu An Trai 安齋⁽³²⁾.

7. Đào Vũ Chiêu 陶武昭

Đỗ Hạ khóa sinh khoa Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800).

8. Phạm Nghi 范宜

22 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

9. Nguyễn Thúc Phan 阮叔璠 (sau đổi là Cảnh 景)

16 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Sau lại đỗ Sinh đồ khoa Quý Dậu năm Gia Long thứ 12 (1813). Hiệu Mẫn Học tiên sinh.

10. Đặng Quang Dự 鄧光裕

21 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Dịch Văn tiên sinh 迪文先生.

11. Lã Mẫn 呂敏

20 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Làm chức Lý trưởng.

12. Phạm Ngọc Bích 范玉碧

Đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Làm chức Thập Lý hầu.

Hiệu Hòa Nhã tiên sinh 和雅先生.

13. Đặng Đức Thanh 鄧德清 (sau đổi tên là Bôi 培)

21 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Cẩn Hậu tiên sinh 謹厚先生.

14. Nguyễn Bá Quán 阮伯權

56 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Cường Bác tiên sinh 彊博先生.

15. Nguyễn Bá Huống 阮伯貺

17 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Sau đỗ Hương cống khoa Tân Tỵ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821). Làm quan đến chức Giáo thụ.

16. Đặng Đức Thụ 鄧德樹

33 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Tôn Đạo tiên sinh 尊道先生.

17. Nguyễn Đăng Khoa 阮登科 (sau đổi là Nguyễn Xuân Tháp)⁽³³⁾

20 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801) đời vua Nguyễn Quang Toản triều Tây Sơn. Sau đỗ Hương cống khoa Quý Dậu năm Gia Long thứ 12 (1813).

18. Tống Sĩ Tạo 宋士造

20 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Làm Lý trưởng.

Hiệu Cương Trực tiên sinh 剛直先生.

19. Nguyễn Bá Lễ 阮伯禮

26 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Văn Nhã tiên sinh 文雅先生.

20. Đặng Huy Đàm 鄧輝潭

20 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Cẩn Trực tiên sinh 謹直先生.

21. Đặng Đức Bàng 鄧德滂

46 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Diệu Đạo tiên sinh 妙道先生.

22. Nguyễn Quang Duân 阮光昫

24 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Hiệu Cương Trực tiên sinh 剛直先生.

23. Đặng Xuân Trì 鄧春池

17 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

24. Nguyễn Thế Hy 阮世稀 (sau đổi là Trọng Phác 仲樸)

17 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801). Sau

đỗ Sinh đồ khoa Kỷ Mão năm Gia Long thứ 18 (1819).

Tự Hữu Ngọc 有玉, hiệu Bính Văn tiên sinh 炳文先生.

25. Đặng Nguyễn Thường 鄧阮常

19 tuổi đỗ Hạ khóa sinh khoa Tân Dậu năm Cảnh Thịnh thứ 9 (1801).

Thụy Cẩn Thận 勤慎, hiệu Đức Trai tiên sinh 德齋先生⁽³⁴⁾.

N.T.N

Chú thích:

(1) Ngô Thì Nhậm (1746-1803): tự Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên, người xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai (nay là thôn Tả Thanh Oai (Tả Tó) xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội). Đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (1775), làm quan với nhà Lê trải nhiều chức vụ. Khi Tây Sơn dựng nước, được Nguyễn Huệ trọng dụng, trải các chức: Lại bộ Thị lang, Binh bộ Thượng thư, tước Tình Phái hầu. Ông cùng Ngô Văn Sở cai quản công việc ở Bắc Hà và đảm trách việc bang giao, làm Chính sứ đi sứ nhà Thanh, Tổng tài Quốc sử quán. Ông là nhà văn hóa tư tưởng lỗi lạc, để lại nhiều tác phẩm giá trị.

(2) *Chiếu lập học và chính sách giáo dục triều Tây Sơn*, Đinh Khắc Thuân, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3/2003, tr.76. Cũng xem: *Khoa cử triều Tây Sơn: một giấc mơ vàng*, Đinh Văn Niêm, đăng trên mạng Internet.

(3) Tức năm Kỷ Dậu niên hiệu Quang Trung thứ 2 (1789).

(4) Theo Đinh Khắc Thuân, tài liệu đã dẫn.

(5) Xem bài chiếu mời Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng Viện Sùng Chính: dẫn theo *Khoa cử triều Tây Sơn: một giấc mơ vàng*.

(6) Nội dung bài tấu, xem: Hoàng Xuân Hãn: *La Sơn phu tử*, Nxb. Văn học, 1993, tr.184.

(7) Xem bản tấu đã dẫn trên.

(8) Xem: *Khoa cử triều Tây Sơn: một giấc mơ vàng*.

(9) Ảnh và nội dung bài chiếu, xin xem: Nguyễn Huệ, tài liệu đăng trên mạng Internet.

Cũng xem: *15 năm ưu việt của văn hóa Phú Xuân thời Tây Sơn*, Lê Văn Hào, tài liệu đăng trên mạng Internet.

Theo Nguyễn Thị Chân Quỳnh thì khoa thi Hương năm 1789 là khoa thi thuần chữ Nôm đầu tiên và duy nhất ở nước ta, song đề mục vẫn bằng chữ Hán (xem: *Khoa cử Việt Nam* (Quyển thượng - *Thi Hương*/ viết tắt: *Khoa cử Việt Nam*, tr.25; cũng xem: *Lối xưa xe ngựa...* tr.14).

(10) Hiện tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN), ký hiệu VHV.1297, tờ 7a.

(11)(12) Dẫn theo *Khoa cử Việt Nam*, tr.150.

(13) *Nhà sử học Trần Văn Giáp*, Nxb KHXH, H. 2000, tr.191.

(14) Xem *Khoa cử Việt Nam...*, Sdd, tr.25.

(15) *Khoa cử đời Tây Sơn: Một giấc mơ vàng*.

(16) Tác giả Bùi Xuân Nghi (quê xã Vân Canh huyện Từ Liêm, nay là thôn Vân Canh xã Vân Canh huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội). Cử nhân khoa Đinh Mão năm Tự Đức thứ 20 (1867). Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thúy Nga dịch và biên soạn, Nxb. Dân trí, H. 2010.

Danh sách cụ thể, xin xem ở phần 3: Người thi đỗ.

(17) Riêng sách *Từ Liêm huyện đăng khoa chí* ghi học vị người đỗ là Hương cống và Sinh đồ, có lẽ đó là cách ghi theo truyền thống.

(18) Bảng chứng xem *Từ Liêm huyện đăng khoa chí* và *Trà Lũ xã chí*.

(19) Xem Nguyễn Thị Chân Quỳnh: *Dấu xưa xe ngựa...* (tr.14); cũng xem Đinh Văn Niêm: *Khoa cử triều Tây Sơn: Một giấc mơ vàng*.

(20) Phép thi Hương của các đời: kỳ đệ nhất: kinh nghĩa (hoặc kinh truyện); kỳ đệ nhị: thơ, phú; kỳ đệ tam: chiếu, chế, biểu; kỳ đệ tứ: văn sách.

(21) Xem *Khoa cử Việt Nam* (tr.25); *Dấu xưa xe ngựa...* (tr.14). Cũng theo *Dấu xưa xe ngựa...*: năm 1565 Mạc Mậu Hợp dùng chữ Nôm lần đầu trong một khoa thi Tiến sĩ (đề mục kỳ đệ tứ là một bài phú Nôm), tr.14.

(22) VNCHN, ký hiệu A.644.

(23) Có lẽ kỳ thi Điện này chỉ là thí sinh tập trung trước Điện để dự thi chứ không giống với thi Điện theo thông lệ.

(24) Nguyễn Bá Nghi soạn và viết tựa năm Cảnh Hưng thứ 46 (1785), Nguyễn Xuân Thập tục biên năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Sử học, ký hiệu Hv.50.

(25) T.1: Nxb. Văn hóa, H. 1984; T.2: Nxb. KHXH, H. 1990.

(26) Có lẽ khoa thi Hương năm 1789 đời Quang Trung, làng Hành Thiện không có người thi đỗ nên tác giả không nói đến và viết câu có tính chất chung chung như vậy chăng?

(27) Xem: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Sdd, T.1, tr.307.

(28) Chính xác là Tuần sĩ và Tú tài.

(29) Nguồn tài liệu: *Từ Liêm huyện đăng khoa chí*, Sdd.

(30) Có thể xác định người này đỗ khoa Kỷ Dậu năm Quang Trung thứ 2 (1789).

(31) Nguồn tài liệu: *Trà Lũ xã chí* (33b).

(32) Nguồn tài liệu: *Thanh Trì Hoàng Mai Đỗ thị gia phả* (13b, 20b).

(33) *Quốc triều hương khoa lục* ghi Nguyễn Xuân Thập, xem số TT 0134- 27.

(34) Nguồn tài liệu: *[Hành Thiện] bản áp đăng khoa chí* (21a-23a).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *[Hành Thiện] bản áp đăng khoa chí*, Nguyễn Bá Nghi soạn và viết Tựa năm

Cảnh Hưng thứ 46 (1785), Nguyễn Xuân Thập tục biên năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), hiện lưu giữ tại Thư viện Viện Sử học, ký hiệu Hv.50.

2. *Cổ kim khoa thí thông khảo*, Nguyễn Chuyết phu soạn, Chuyết Hiền tàng bản, soạn năm Tự Đức thứ 26 (1873), VNCHN, ký hiệu VHv.1297.

3. *Thanh Trì Hoàng Mai Đỗ thị gia phả*, VNCHN, ký hiệu A.644.

4. *Từ Liêm huyện đăng khoa chí*, Bùi Xuân Nghi soạn, VNCHN, ký hiệu A.507. Nguyễn Hữu Mùi, Nguyễn Thúy Nga dịch và biên soạn, Nxb. Dân trí, 2010.

5. Cao Xuân Dục: *Quốc triều hương khoa lục*, nhiều bản. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch; Cao Tự Thanh giới thiệu và hiệu đính, Nxb. Tp. HCM, 1993; tái bản 2011.

6. *Chiếu lập học và chính sách giáo dục triều Tây Sơn*, Đinh Khắc Thuân, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3/2003.

7. *Khoa cử Việt Nam (Q. thượng) Thi Hương*, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nxb. Văn học, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Tp. HCM, 2003.

8. Hoàng Xuân Hãn: *La Sơn phu tử*, Nxb. Văn học, H. 1993.

9. *Lược khảo khoa cử Việt Nam, từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ* (trong *Nhà sử học Trần Văn Giáp*), Nxb. KHXH, H. 1996.

10. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Trần Văn Giáp chủ biên, T.1: Nxb. Văn hóa, H. 1984; T.2: Nxb. KHXH, H. 1990.

Tài liệu trên mạng Internet:

1. Đinh Văn Niêm: *Khoa cử triều Tây Sơn: một giấc mơ vàng*.

2. Nguyễn Huệ.

3. Lê Văn Hào: *15 năm ưu việt của văn hóa Phú Xuân thời Tây Sơn./.*